

Số: 77 /BC-BQLDA LCASP

Nam Định, ngày 31 tháng 12 năm 2015

## BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện dự án Hỗ trợ nông nghiệp các bon thấp (LCASP) năm 2015,  
phương hướng, kế hoạch triển khai dự án năm 2016**

BAN QUẢN LÝ CÁC DẠNN DỰ ÁN LCASP	
ĐẾN	Số: 6
	Ngày

Dự án “Hỗ trợ Nông nghiệp Cacbon thấp (LCASP), vốn vay ADB” với mục tiêu: Xây dựng một nền sản xuất nông nghiệp bền vững, hiệu quả và thân thiện với môi trường thông qua việc xúc tiến xây dựng, nhân rộng các mô hình nghiên cứu và chuyển giao các ứng dụng quản lý chất thải nông nghiệp hướng tới giảm thiểu phát thải khí nhà kính và ứng phó, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, phế phụ phẩm trong nông nghiệp, quản lý hiệu quả các hoạt động chế biến, bảo quản sau thu hoạch nông sản; giảm thiểu ô nhiễm môi trường do chất thải nông nghiệp thông qua mở rộng và phát triển chương trình khí sinh học, tạo nguồn năng lượng sạch; cải thiện sinh kế và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn.

Nam Định là 1 trong 10 tỉnh được lựa chọn tham gia dự án. Năm 2015 là năm thứ 3 triển khai dự án. Rút kinh nghiệm từ những năm trước, năm 2015, Ban quản lý dự án đã xây dựng kế hoạch, xác định những mục tiêu cụ thể để triển khai có hiệu quả các hoạt động của dự án trên địa bàn tỉnh. Kết quả thực hiện năm 2015 cụ thể như sau:

### I. CÁC HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN ĐÃ TRIỂN KHAI NĂM 2015

#### Hợp phần 1: Quản lý chất thải chăn nuôi

*Tiểu hợp phần 1.1. Quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi và phát triển Cơ chế phát triển sạch (CDM)*

##### 1. Thông tin, tuyên truyền về quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi

Đã làm 204 biển quảng cáo giới thiệu về dự án và đóng tại trụ sở UBND các xã của 9 huyện trên địa bàn tỉnh với mục đích giới thiệu thông tin về dự án tới cán bộ và nhân dân trên địa bàn đặc biệt là các hộ chăn nuôi.

Đã in và phát hơn 4.000 tờ rơi giới thiệu về dự án cho trường thôn xóm, các hộ chăn nuôi trong tỉnh có nhu cầu xây/lắp công trình khí sinh học.

Ký hợp đồng phát thanh với một số Đài phát thanh truyền hình huyện để tăng cường thông tin, giới thiệu về dự án.

Phối kết hợp với Chi cục phát triển nông thôn tỉnh tuyên truyền cho 800 cán bộ lãnh đạo huyện, xã, bí thư chi bộ, trưởng thôn xóm.

Tuyên truyền trên đài phát thanh của tất cả các xã trên địa bàn tỉnh.

## **2. Tập huấn về vận hành công trình khí sinh học, đảm bảo môi trường trong chăn nuôi**

### **2.1. Nội dung**

- Giới thiệu lợi ích từ việc xây hầm biogas, lợi ích của hộ chăn nuôi tham gia dự án.
- Giới thiệu các công nghệ hầm Biogas; Hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng công trình khí sinh học.
- Hướng dẫn các biện pháp xử lý chất thải chăn nuôi.

### **2.2. Đại biểu tham dự**

Các chủ hộ chăn nuôi đã xây dựng/lắp đặt công trình khí sinh học; các chủ hộ chăn nuôi có nhu cầu xây dựng/lắp đặt công trình khí sinh học.

**2.3. Số ngày:** 01 ngày/lớp

**2.4. Số lớp:** 17 lớp tại tất cả các huyện với 624 học viên

*(Chi tiết xem phụ lục 1, 4)*

Qua các buổi tập huấn, người chăn nuôi nắm bắt được các kỹ năng cơ bản về vận hành công trình khí sinh học, những vấn đề cần lưu ý trong quá trình sử dụng công trình Biogas, những sự cố có thể xảy ra và biện pháp khắc phục. Ngoài ra các hộ chăn nuôi còn được hướng dẫn các biện pháp xử lý chất thải khác ngoài Biogas như nuôi trùn quế, ủ phân compost, làm phân vi sinh ...

### **Tiểu hợp phần 1.2. Hỗ trợ phát triển các công trình khí sinh học**

#### **Kết quả xây dựng các công trình KSH năm 2015**

*(Chi tiết xem phụ lục 2, 5)*

**Đánh giá:** Năm 2015, toàn tỉnh đã xây dựng/lắp đặt được 1.250 công trình khí sinh học, đạt 96% kế hoạch (kế hoạch 1.300 công trình), cao hơn năm 2014 là 103 công trình, trong đó 961 công trình khí sinh học làm bằng vật liệu composite, chiếm 77% và 289 công trình khí sinh học loại KT1 và KT2, chiếm 23%. Hải Hậu là huyện thực hiện được nhiều công trình biogas nhất (311 công trình, chiếm 25%), tiếp đến là Nghĩa Hưng (170 công trình), Trực Ninh (164 công trình), Ý Yên (142 công trình), Xuân Trường (140 công trình), Giao Thủy (134 công trình). Các huyện thực hiện được ít công trình biogas là Vụ Bản (75 công trình), Mỹ Lộc (66 công trình), Nam Trực (45 công trình), Thành phố (2 công trình).

Trong tổng số 1.250 công trình khí sinh học đã xây dựng/lắp đặt, có 1.243 công trình đã nhận được hỗ trợ: 3.000 đồng/công trình quy mô nhỏ.

Năm 2015, trên địa bàn tỉnh cũng chưa xây dựng/lắp đặt được công trình khí sinh học quy mô vừa và lớn.

### **Hợp phần 2. Tín dụng**

- Ban quản lý dự án hỗ trợ nông nghiệp các bon thấp tỉnh Nam Định đã tổ chức hội nghị triển khai hợp phần tín dụng với thành phần: cán bộ ban quản lý dự án tỉnh, kỹ thuật viên các huyện, thành phố; Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT tỉnh và Ngân hàng Hợp tác xã tỉnh.

- Tổ chức các buổi tập huấn giới thiệu về cho vay tín dụng phát triển công nghệ khí sinh học cho các hộ dân tại các địa phương, với sự tham gia của bộ phận tín dụng chi nhánh các ngân hàng huyện.

- Cán bộ kỹ thuật (cấp tỉnh, huyện) luôn đồng hành, hỗ trợ tích cực người chăn nuôi tham gia dự án tiếp cận nguồn vốn vay.

### **Hợp phần 3. Chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp**

#### **1. Tổ chức chuyên thăm quan trong nước học tập trao đổi kinh nghiệm nghiên cứu về công nghệ khí sinh học và quản lý chất thải chăn nuôi.**

Tổ chức chuyên thăm quan học tập, trao đổi kinh nghiệm về công nghệ khí sinh học và quản lý chất thải chăn nuôi cho các cán bộ ban quản lý dự án tỉnh và các kỹ thuật viên huyện tại tỉnh Hà Tĩnh.

Qua chuyến đi thực tế, các đồng chí cán bộ và KTV đã trao đổi và rút ra được nhiều kinh nghiệm trong công tác triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến phát triển công trình khí sinh học của các tỉnh bạn.

#### **2. Tập huấn cho nông dân về kỹ thuật ủ phân compost**

##### **2.1. Nội dung:**

- Giới thiệu tổng quan xử lý chất thải chăn nuôi.
- Hướng dẫn kỹ thuật ủ phân hữu cơ từ chất thải chăn nuôi (lý thuyết và thực hành).

##### **2.2. Đại biểu tham dự**

Các hộ có chăn nuôi gia súc ( $\geq 2$  con trâu, bò hoặc  $\geq 05$  con lợn).

##### **2.3. Số lớp: 10 lớp**

(Chi tiết xem phụ lục 3)

Tổng số 10 lớp, số học viên 288 người (Nam 171 người, Nữ 117 người). Qua các lớp tập huấn bà con chăn nuôi đã nắm bắt được cách xử lý ủ phân để làm phân vi sinh bón cho cây trồng, cải tạo đất đạt hiệu quả cao.

### **Hợp phần 4: Chi quản lý dự án**

(Chi tiết theo Phụ lục 6)

## **II. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI NĂM 2016**

### **Hợp phần 1: Quản lý chất thải chăn nuôi**

#### **Tiểu hợp phần 1.1. Quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi và phát triển cơ chế phát triển sạch (CDM)**

1. Tập huấn về vận hành công trình KSH, đảm bảo môi trường trong chăn nuôi
  - Số lớp: 35 lớp
  - Số người tham dự/lớp: 35-40 người

- Đối tượng: tất cả các chủ hộ chăn nuôi đăng ký xây dựng công trình KSH; cán bộ của các địa phương (tham gia tập huấn về quản lý chất thải chăn nuôi); cán bộ kỹ thuật cấp huyện ...

- Dự kiến kết quả: Sau khi tham dự tập huấn, các cán bộ kỹ thuật, các hộ chăn nuôi hiểu và biết được các kiến thức về quản lý chất thải chăn nuôi, các phương pháp xử lý chất thải chăn nuôi; biết được kỹ thuật, quy trình sử dụng, vận hành và bảo dưỡng công trình khí sinh học.

## 2. Tuyên truyền:

+ Trên đài phát thanh truyền hình tỉnh: 3-5 chuyên mục, phóng sự;

+ Hợp đồng và phát thanh trên đài phát thanh truyền hình 10 huyện, thành phố;

+ Trên đài truyền thanh các xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh;

+ In và phát tờ rơi giới thiệu về dự án;

+ Tổ chức các lớp tập huấn giới thiệu về dự án, lợi ích xây dựng công trình khí sinh học xử lý chất thải chăn nuôi, bảo vệ môi trường.

+ Làm biển hiệu công trình: dự kiến làm gần 4.000 biển gắn tại các công trình khí sinh học.

3. Hội thảo về phổ biến các thể chế, chính sách, tiêu chuẩn về công trình KSH, quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi, cơ chế phát triển sạch trong chăn nuôi và nghiên cứu ứng dụng chuyển giao công nghệ chăn nuôi các bon thấp.

- Số buổi: 02 buổi

- Số người tham dự/buổi: 40 – 50 người

- Đối tượng: Cán bộ quản lý lĩnh vực chăn nuôi cấp tỉnh, huyện; các đơn vị có liên quan.

- Dự kiến kết quả: Các đại biểu sau khi tham dự hội thảo sẽ biết được những thông tin về các quy định, tiêu chuẩn của công nghệ KSH, quản lý chất thải chăn nuôi, cơ chế phát triển sạch trong chăn nuôi; biết được các văn bản QPPL, cơ chế chính sách liên quan đến KSH và quản lý chất thải ... để từ đó có thể vận dụng, truyền đạt cho mọi người cùng biết và thực hiện.

4. Tổ chức các chuyến thăm quan trong nước học tập, trao đổi kinh nghiệm nghiên cứu về công trình KSH và quản lý chất thải chăn nuôi

- Số chuyến: 01 chuyến

- Số người tham gia/chuyến: 25 người

- Đối tượng: Cán bộ BQL dự án, kỹ thuật viên cấp huyện

- Dự kiến kết quả: Qua các chuyến thăm quan học tập kinh nghiệm, các thành viên trong đoàn sẽ rút kinh nghiệm để triển khai các hoạt động của dự án tốt hơn.

### ***Tiểu hợp phần 1.2. Hỗ trợ phát triển các công trình khí sinh học***

Hỗ trợ tài chính trực tiếp xây dựng các công trình KSH và cải thiện môi trường chăn nuôi. Dự kiến xây dựng/lắp đặt khoảng 1.300 công trình khí sinh học.

## **Hợp phần 2. Các hoạt động phối hợp với Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Việt Nam và Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam trong việc triển khai cho vay tín dụng**

Phối hợp với các tổ chức tín dụng để hỗ trợ các chủ hộ chăn nuôi tiếp cận và vay vốn tín dụng từ dự án.

### **Hợp phần 3. Chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp**

#### **Tiểu hợp phần 3.2. Xây dựng các mô hình nông nghiệp các bon thấp**

1. Hội thảo xác định nhu cầu và lựa chọn mô hình trình diễn chăn nuôi

- Số buổi: 03

- Số người tham dự/buổi: 30 – 40 người

- Đối tượng: Cán bộ quản lý chăn nuôi cấp tỉnh, huyện và đại diện một số chủ trang trại.

- Dự kiến kết quả: Qua các buổi hội thảo sẽ lựa chọn được 03 – 05 mô hình trình diễn có hiệu quả về quản lý chất thải và phát triển sạch trong chăn nuôi có khả năng nhân rộng để triển khai trong năm 2016.

2. Xây dựng các mô hình trình diễn: Xây dựng mô hình trình diễn

3. Đào tạo nông dân và cán bộ khuyến nông về công nghệ phù hợp ứng dụng sản xuất nông nghiệp các bon thấp: 30 lớp, trong đó:

+ Tập huấn cho nông dân: 28 lớp

+ Tập huấn cho cán bộ khuyến nông: 2 lớp.

### **III. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN, KIẾN NGHỊ**

#### **1. Thuận lợi**

- Dự án được sự quan tâm của UBND tỉnh, sự phối hợp có hiệu quả của các Sở, ban, ngành, đoàn thể.

- Các hoạt động của Ban quản lý Trung ương triển khai nhanh nên cấp tỉnh nắm bắt thông tin kịp thời phục vụ cho việc triển khai dự án có nhiều thuận lợi.

- Dự án được sự ủng hộ nhiệt tình của chính quyền các cấp từ huyện đến thôn xóm, đặc biệt là người dân.

#### **2. Khó khăn**

- Nhận thức của người dân về xử lý chất thải chăn nuôi, bảo vệ môi trường còn hạn chế

- Một số người dân chưa nắm được thông tin của dự án nên chưa tiếp cận nguồn hỗ trợ của Chính phủ...

- Nhiều công ty cung cấp bê Composite bên ngoài dự án cạnh tranh với giá thành rất thấp nên phần nào ảnh hưởng đến tiến độ của dự án.

- Các cán bộ dự án chủ yếu làm việc kiêm nhiệm, từ nhiều đơn vị khác nhau nên việc đầu tư thời gian cho dự án còn hạn chế.

### 3. Kiến nghị

#### 3.1. Đối với Ban quản lý dự án Trung ương

Đề nghị BQL dự án Trung ương tiếp tục triển khai các hoạt động hỗ trợ như hội thảo, tập huấn các nội dung có liên quan, đặc biệt là các mô hình sản xuất nông nghiệp các bon thấp.

#### 3.2. Đối với UBND các huyện, thành phố

Tiếp tục quan tâm chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, các cơ quan truyền thông tăng cường phổ biến, giới thiệu dự án tới đông đảo người chăn nuôi để đăng ký tham gia dự án. *h*

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hoàng Thị Tố Nga

**Phụ lục 1: Lớp tập huấn về vận hành vận hành công trình khí sinh học  
và quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi**

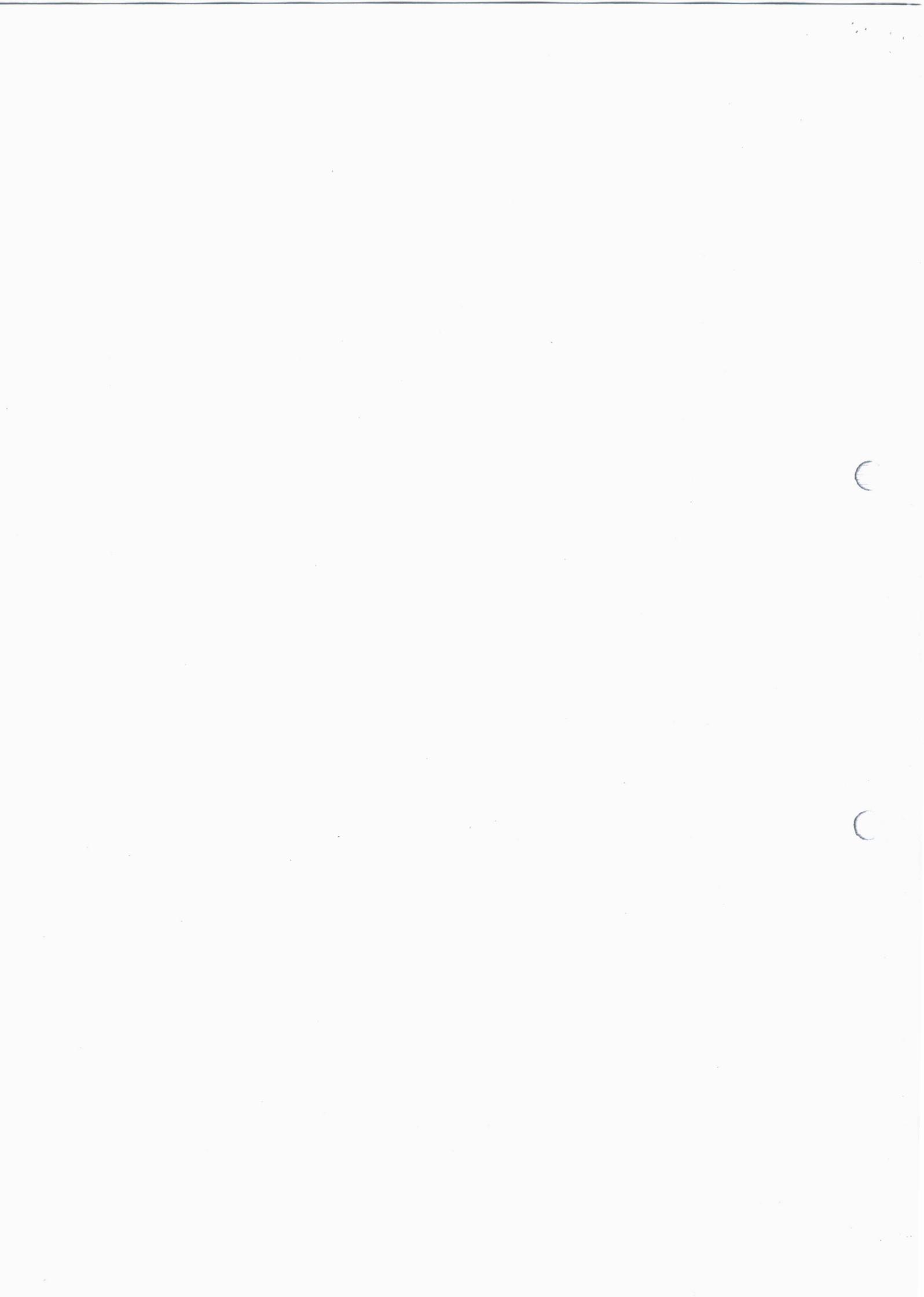
STT	Huyện	Đợt 1		Đợt 2		Đợt 3		Đợt 4		Tổng học viên
		Ngày	SL	Ngày	SL	Ngày	SL	Ngày	SL	
1	Mỹ Lộc	28-7	40							40
2	Ý Yên	24-4	40	27-8	40					80
3	Vụ Bản	04-9	39							39
4	Giao Thủy	26-5	40							40
5	Xuân Trường	17-4	40							40
6	Hải Hậu	14-4	40	20-4	39	19-5	40	02-8	40	119
7	Nam Trực	21-12	38							38
8	Nghĩa Hưng	11-5	40	12-8	35	10-9	33			108
9	Trực Ninh	15-4	40	11-8	40	22-12	40			120
<b>Tổng</b>			357		154		113		40	624

**Phụ lục 2: Kết quả xây dựng các công trình KSH năm 2015**

STT	Huyện	Số công trình đã thực hiện			Giải ngân
		Composite	KT1, KT2	Tổng	
1	TP Nam Định	1	2	3	2
2	Mỹ Lộc	23	43	66	50
3	Vụ Bản	27	48	75	73
4	Nam Trực	32	13	45	45
5	Trực Ninh	134	30	164	159
6	Hải Hậu	203	108	311	337
7	Ý Yên	103	39	142	120
8	Nghĩa Hưng	166	2	170	166
9	Xuân Trường	140	0	140	149
10	Giao Thủy	132	2	134	142
	<b>Tổng</b>	<b>961</b>	<b>289</b>	<b>1.250</b>	<b>1.243</b>

**Phụ lục 3: Tập huấn về chuyển giao công nghệ các bon thấp  
(xử lý chất thải chăn nuôi bằng ủ phân compost)**

STT	Huyện/TP	Ngày	SL học viên	Nam	Nữ
1	Vụ Bản	28, 29/11	30	14	16
		03, 04/12	30	17	13
		09, 10/12	28	24	4
		18, 19/12	29	11	18
2	Ý Yên	01, 02/12	29	22	7
		05, 06/12	30	17	13
		16,17/12	27	19	8
3	Nam Trực	07, 08/12	28	16	12
		11,12/12	30	16	14
		14,15/12	27	15	12
<b>Tổng</b>			<b>288</b>	<b>171</b>	<b>117</b>

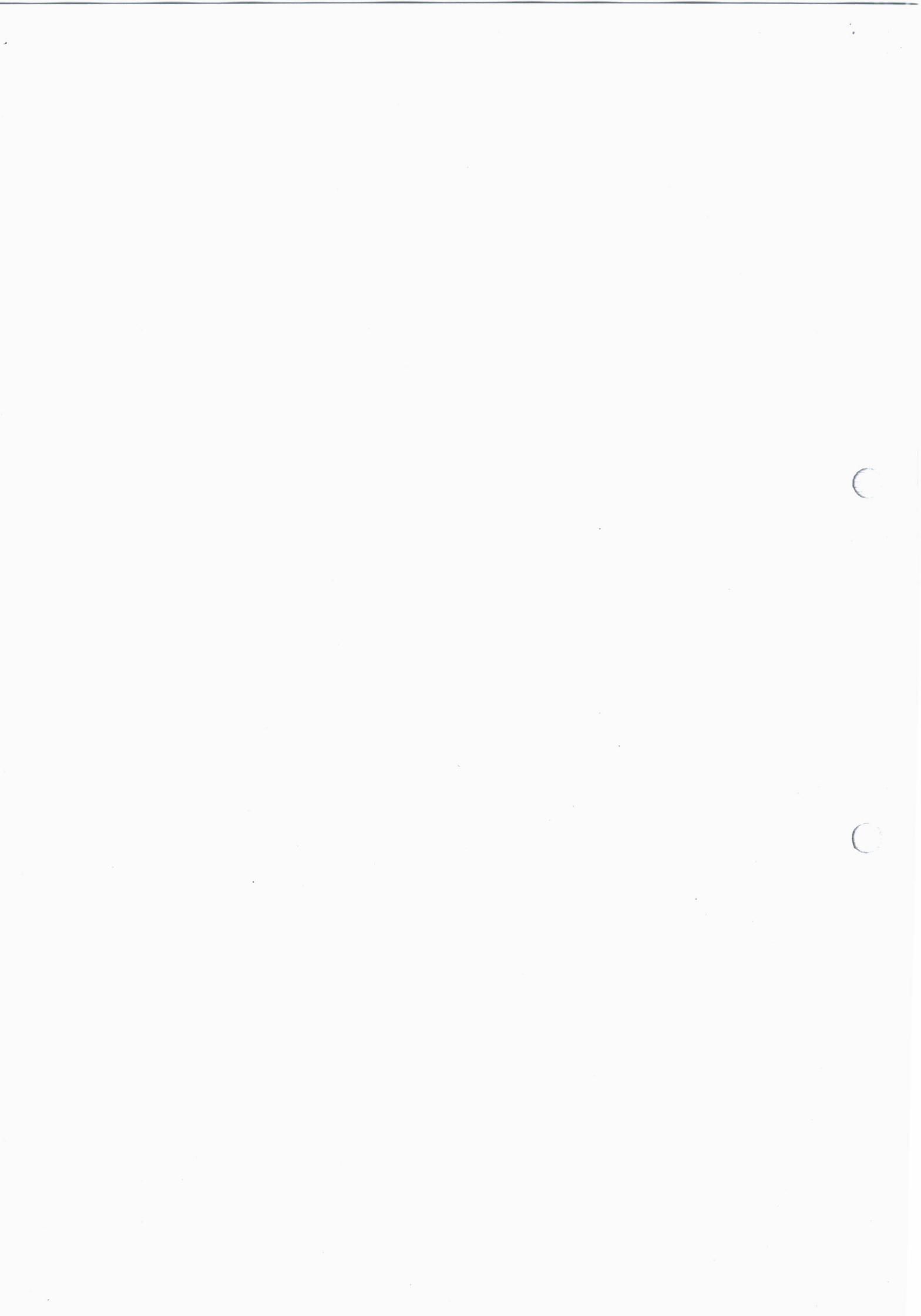


**Phụ lục 4: Bảng tổng hợp kết quả tập huấn vận hành và quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi năm 2015**

TT	Nội dung	Số lượng (cuộc/lớp)	Số ngày/ chuyên/lớp	Tổng số (người)	Trong đó					
					DTTS	% DTTS	Nam	% Nam	Nữ	% Nữ
1	Tổ chức lớp tập huấn vận hành công trình khí sinh học, đảm bảo môi trường trong chăn nuôi	17	1	624	0	0	428	69	196	31
2	Tập huấn vận hành tại hộ cho các hộ đã Xây dựng/ Lắp đặt công trình KSH			619	0	0	370	60	249	40
	<b>TỔNG:</b>			<b>1.243</b>			<b>798</b>		<b>445</b>	

**Phụ lục 5: Kết quả xây dựng/lắp đặt công trình khí sinh học năm 2015**

TT	Loại công trình	Số hộ đăng ký xây dựng/lắp đặt công trình	Số công trình đang xây/lắp đặt	Quy mô công trình	Tổng CTKSH
1	Loại công trình xây bằng gạch Kiểu KT 1,KT2	289	289	6,0m 3 - < 50 m3	289
2	Loại công trình bằng vật liệu Composite	961	961	4 m3 - 9 m3	961
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.250</b>	<b>1.250</b>		<b>1.250</b>



**Phụ lục 6: Tổng hợp tình hình giải ngân 2015**

Số TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2015				Thực hiện 2015			
		Tổng số ( VND)	Trong đó		Tổng số ( VND)	Trong đó		Đối ứng	
			ADB	Đối ứng		ADB	Đối ứng		
	<b>TỔNG CỘNG</b>	7.046.200.000	6.546.200.000	500.000.000	5.445.641.377	4.945.641.377	500.000.000		
<b>I</b>	<b>Hợp phần 1 : Quản lý chất thải chăn nuôi</b>	5.309.200.000	5.309.200.000	-	4.317.136.000	4.317.136.000	-		
<b>1</b>	<b>Tiểu hợp phần 1.1. Quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi và pt thị trường các bon</b>	509.200.000	509.200.000	-	274.900.000	274.900.000	-		
1.1	Thông tin, tuyên truyền về quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi (Xây dựng chương trình phát trên phương tiện thông tin đại chúng, viết tin, tờ rơi,...)	100.000.000	100.000.000		67.200.000	67.200.000			
1.2	Hội thảo lựa chọn tiêu chí và các hộ chăn nuôi sẽ xây dựng công trình khí sinh học quy mô nhỏ, vừa và lớn.	-	-		-	-			
1.3	Tập huấn vận hành công trình khí sinh học, đảm bảo môi trường trong chăn nuôi.	409.200.000	409.200.000		207.700.000	207.700.000			
<b>2</b>	<b>Tiểu hợp phần 1.2. Hỗ trợ phát triển các công trình khí sinh học</b>	4.800.000.000	4.800.000.000		4.042.236.000	4.042.236.000			
2.1	Chi phí cho kỹ thuật viên, kỹ sư hỗ trợ kỹ thuật cho các hộ nông dân xây/lắp đặt công trình khí sinh học (Khảo sát, thiết kế, giám sát chất lượng, nghiệm thu công trình, hướng dẫn vận hành công trình khí sinh học)	650.000.000	650.000.000		313.236.000	313.236.000			
2.2	Chi phí kiểm tra kết hợp thu thập dữ liệu công trình khí sinh học	250.000.000	250.000.000		-	-			
2.3	Tập huấn thợ xây/lắp đặt, Kỹ thuật viên.	-	-		-	-			

2.4	Hỗ trợ tài chính trực tiếp xây các công trình khí sinh học và cải thiện môi trường chăn nuôi (công trình nhỏ mỗi công trình 3 triệu VNĐ, công trình cỡ vừa mỗi công trình 10 triệu VNĐ, công trình cỡ lớn mỗi công trình 20 triệu VNĐ)	3.900.000.000	3.900.000.000	3.900.000.000	3.729.000.000	3.729.000.000	3.729.000.000	
<b>II</b>	<b>Hợp phần 3. Chuyển giao công nghệ sản xuất nông nghiệp các bon thấp</b>	635.000.000	635.000.000	-	242.300.000	242.300.000	-	
<b>1</b>	<b>Tiểu hợp phần 3.1. Thúc đẩy ứng dụng nông nghiệp các bon thấp</b>	-	-	-	-	-	-	
1.1	Tổ chức các chuyên thăm quan trong nước học tập trao đổi kinh nghiệm nghiên cứu về công nghệ khí sinh học và quản lý chất thải chăn nuôi	-	-	-	-	-	-	
<b>2</b>	<b>Tiểu hợp phần 3.2. Xây dựng các mô hình nông nghiệp các bon thấp</b>	635.000.000	635.000.000	635.000.000	242.300.000	242.300.000	-	
2.1	Hội thảo xác định nhu cầu xây dựng và lựa chọn mô hình trình diễn quản lý chất thải chăn nuôi cho sản xuất nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	
2.2	Kinh phí thực hiện 7 mô hình trình diễn	-	-	-	-	-	-	
2.3	Đào tạo cho nông dân và cán bộ khuyến nông về công nghệ phù hợp với ứng dụng sản xuất nông nghiệp các bon thấp	635.000.000	635.000.000	635.000.000	242.300.000	242.300.000	-	
<b>III</b>	<b>Hợp phần 4. Quản lý dự án</b>	1.102.000.000	602.000.000	500.000.000	886.205.377	386.205.377	500.000.000	
1	Chi lương và phụ cấp cho Ban quản lý dự án tỉnh	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000	
2	Chi phí hoạt động cho Ban quản lý dự án tỉnh	602.000.000	602.000.000	602.000.000	386.205.377	386.205.377	-	
3	Dự phòng	-	-	-	-	-	-	